

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/DS-ST

Ngày: 29/7/2021

“Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thám

2. Ông Trần Văn Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2021 *“Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXX-ST ngày 29/6/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1959; Trú tại: Tổ B, phường TS, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Anh T, sinh năm 1977; Trú tại: Thôn AT 02, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày: Bà P có cho bà Lê Thị Anh T vay tiền hai lần vào ngày 24/9/2020 số tiền 10.000.000đ, hẹn sẽ trả số tiền đã vay sau 2 tháng, đến ngày 11/10/2020 bà T vay tiếp số tiền 4.000.000đ, hẹn sẽ trả số tiền đã vay sau 3 tháng, tổng cộng hai lần vay là 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*). Các lần vay tiền bà T có viết giấy mượn tiền cho đến nay bà T vẫn chưa trả số tiền đã vay. Việc vay mượn tiền chỉ có bà T vay và ký xác nhận chứ không liên quan đến chồng bà T nên bà P chỉ khởi kiện yêu cầu một mình bà T phải trả số tiền còn nợ 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*), không yêu cầu tiền lãi.

Bị đơn bà Lê Thị Anh T trình bày trong bản khai thể hiện như sau: Bà T thừa nhận có vay và hiện còn nợ của bà Nguyễn Thị P số tiền 14.000.000đ

(Mười bốn triệu đồng) như bà P trình bày. Khi vay tiền bà T có viết các “Giấy mượn tiền” và hẹn sau 02 đến 03 tháng kể từ ngày vay, sẽ trả hết số tiền nợ cho bà P nhưng do làm ăn thua lỗ đến nay chưa có tiền trả cho bà P một lần được. Việc vay mượn tiền của bà P chỉ có một mình bà T vay mượn để chi tiêu cá nhân chứ không liên quan đến chồng bà T. Vì khó khăn về kinh tế nên bà T không có tiền trả một lần được, bà T xin trả dần mỗi tháng 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) cho đến khi hết số nợ 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng), cho bà P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; xem xét ý kiến trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn Lê Thị Anh T có địa chỉ cư trú tại Thôn AT 02, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quy định tại Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã A thụ lý giải quyết vụ án dân sự nói trên là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn Lê Thị Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3]. Về số tiền bị đơn còn nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Anh T đều thừa nhận có vay tiền của bà Nguyễn Thị P hai lần và còn nợ bà P số tiền 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng) như bà P trình bày. Do khó khăn về kinh tế nên đề nghị được trả dần mỗi tháng 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) cho đến khi hết số nợ nhưng bà P không đồng ý. Việc bà T vay tiền của bà P để dùng vào việc cá nhân, không liên quan đến gia đình nên bà T có trách nhiệm trả cho bà P là phù hợp. Vì thế, buộc bà Lê Thị Anh T có trách nhiệm phải trả số tiền còn nợ 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị P là phù hợp theo quy định tại các Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ Luật Dân sự.

[4]. Về khoản lãi. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P, không yêu nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Mức án phí có trong vụ án là 5% của giá trị tranh chấp. Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tòa án chấp nhận tòa bộ yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 700.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P.

Buộc bà Lê Thị Anh T, phải trả số tiền 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*) cho bà Nguyễn Thị P.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất theo các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trường hợp không thỏa thuận được thì mức lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Buộc bà Lê Thị Anh T phải nộp số tiền 700.000đ (*Bảy trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị P số tiền 350.000đ (*Ba trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai tạm ứng án phí số 0010056 ngày 04/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án ngày 29/7/2021, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX. A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Trung Toàn